

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HS-ST  
Ngày 09 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đồng.

+ *Hội thẩm Tòa án nhân dân:* Bà Vũ Thị Xuyên và ông Thái Quang Định.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Như Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Đình Thi, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2020/TLST- HS ngày 21 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Văn T, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1973; nơi ĐKNKTT: Thôn Thanh Miếu, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Mỏ than Khe Chàm, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn P và bà Lê Thị X; vợ Cao Thị N (Đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 16-4-2008, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên xử phạt 6 (Sáu) tháng tù về tội “**Trộm cắp tài sản**”; ngày 13-7-2011, UBND thành phố Thái Bình áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc 12 (Mười hai tháng); ngày 04-9-2013, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”, bị cáo đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ ngày 21-02-2020; tạm giam ngày 24-02-2020 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

**- Người chứng kiến:**

1. Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 1, khu Hiệp An II, phường Phương Nam, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Đức H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 1, khu Bạch Đằng I, phường Phương Nam, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 21-02-2020, Tổ công tác Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 1 - Bộ tư lệnh cảnh sát biển phối hợp cùng Công an phường Phương Nam làm nhiệm vụ tại khu Bạch Đằng 1, phường Phương Nam, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh phát hiện, bắt quả tang Trịnh Văn T có hành vi cất giấu trái phép chất nghi là ma túy. Quá trình kiểm tra, phát hiện trong túi áo khoác bên trái của T có 01 túi nilon màu đen, bên trong chứa 08 gói giấy màu trắng, bên trong các gói giấy đều chứa chất bột màu trắng dạng cục. Ngoài ra còn thu giữ của T số tiền 170.000<sup>d</sup> (Một trăm bảy mươi ngàn đồng); 01 điện thoại di động Nokia cũ; 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Văn T.

Tại Bản kết luận giám định số 82/KLGD ngày 21-02-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: mẫu vật gửi giám định là ma túy; Loại: **Heroine**; Khối lượng là **0,54 gam** (Không phải năm tư gam).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn T khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 21-02-2020 T đón xe khách từ Mông Dương đi Hải Phòng với mục đích mua ma túy để sử dụng cá nhân. T xuống xe ở cây xăng Cầu Bính thuộc nội thành Hải Phòng rồi thuê xe ôm đi vào khu vực đường tàu (Không biết địa chỉ cụ thể) để tìm mua ma túy. Đi được khoảng 40 mét thì T gặp một người đàn ông không quen biết, người này hỏi mua ma túy không, T bảo có và đưa 600.000<sup>d</sup> (Sáu trăm ngàn đồng), người đàn ông đưa cho T 01 túi nilon màu đen, bên trong chứa 08 gói giấy nhỏ màu trắng. Xác định đúng loại ma túy cần mua nên T cất vào túi áo khoác bên trái rồi thuê xe ôm đi ra khu vực chân Cầu Bính bắt xe khách về Mông Dương, Cẩm Phả. Khi xe di chuyển đến quốc lộ 10 đoạn thuộc tổ 1, khu Bạch Đằng 1, phường Phương Nam, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh thì bị bắt quả tang.

Tại Cáo trạng số 60/CT - VKSUB ngày 20-5-2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Trịnh Văn T về tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Người chứng kiến anh Phạm Đức H và anh Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng cũng có lời khai thể hiện việc chứng kiến Tổ công tác Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 1 - Bộ tư lệnh cảnh sát biển phối hợp cùng Công an phường Phương Nam, TP. U kiểm tra, thu giữ ma túy và tài sản của Trịnh Văn T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trịnh Văn T theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát

đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn T với mức hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ bị cáo bị tạm giữ ngày 21-02-2020; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 82/2020/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Đối với số tiền 170.000<sup>d</sup> (Một trăm bảy mươi ngàn đồng) là tiền do bị cáo lao động mà có nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tài liệu chứng cứ trong hồ sơ; về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 1 - Bộ tư lệnh cảnh sát biển, Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: Lời khai của bị cáo Trịnh Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của những người chứng kiến và nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21-02-2020, tại khu khu Bạch Đằng 1, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Trịnh Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị bắt quả tang khi đang có hành vi cố ý tàng trữ trái phép 0,54 (Không phải năm mươi tư) gam ma túy, loại Heroine, mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”** quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

### **[3] Về hình phạt:**

#### **[3.1] Hình phạt chính:**

Bị cáo Trịnh Văn T tàng trữ trái phép 0,54 (Không phải năm mươi tư) gam ma túy, loại Heroine, tội danh và mức hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là từ 01 (một) năm đến 5 (năm) năm tù.

**Xét về nhân thân:** Bị cáo là người có nhân thân xấu vì năm 2013 đã bị Tòa án xét xử về tội phạm cùng loại, đã được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

**Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

**Về tình tiết tăng nặng:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo Trịnh Văn T khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo cai nghiện và sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

**[3.2] Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000<sup>d</sup> (Năm triệu đồng) đến 500.000.000<sup>d</sup> (Năm trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**[4] Về xử lý vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 82/2020/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Đối với số tiền 170.000<sup>d</sup> (Một trăm bảy mươi ngàn đồng) là tiền bị cáo lao động mà có nên trả lại cho bị cáo.

#### **[5] Về các vấn đề khác:**

- Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo Trịnh Văn T, quá trình điều tra không xác định được lai lịch nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia cùng sim liên lạc và 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Văn T là tài sản của T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện gia đình T quản lý nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

**[6] Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

**[7] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Từ nhận định trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Căn cứ:** Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.  
Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội:

***“Tàng trữ trái phép chất ma túy”.***

Xử phạt Trịnh Văn T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ: Ngày 21-02-2020.

**2. Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng: Khoản 1; Điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 82/2020/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng.

+ Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T số tiền 170.000<sup>d</sup> (Một trăm bảy mươi ngàn đồng).

(Tình trạng và đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

**3. Về án phí:**

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Danh mục án phí, lệ phí Toà án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải nộp 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

**4. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 09 tháng 6 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo.
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 1 - Bộ tư lệnh cảnh sát biển.
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đồng**